

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-02-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thế Kỳ

2. Ông Nguyễn Thế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm Sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 264/2020/TLST- HNGÑ ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-01-2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị C, sinh năm: 1978 – có mặt

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông

Bị đơn: anh H, sinh năm: 1975 – vắng mặt không có lý do

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị C trình bày: chị C và anh H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định ngày 08-11-2000. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, không có sự tôn trọng nhau, không quan tâm gia đình, anh H có đánh đập tôi nhiều lần, vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng một năm nay, chị C cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không

thể kéo dài được. Nay chị C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Rlấp giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: chị C và anh H sinh được có 02 con chung là A, sinh ngày 16-4-2002 và cháu V, sinh năm 11-8-2014, hiện cháu A đã đủ tuổi trưởng thành, đang đi học Đại học ở thành phố Hồ Chí Minh và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, còn cháu V đang ở với chị C chăm sóc nuôi dưỡng, tại thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nay nguyện vọng chị Cúc là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V, sinh năm 11-8-2014 cho đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu A, sinh ngày 16-4-2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nghề nghiệp của chị C là buôn bán, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng một tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, về các khoản nợ chung, nợ riêng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày: anh H với chị C kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định ngày 08-11-2000. Anh H và chị C sống hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng một năm nay, anh H tự sinh sống ở trong nhà rẫy cà phê, còn chị C thì sống ở nhà ngoài quán buôn bán cà phê, giải khát, vợ chồng không có sự quan tâm nhau. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H không đồng ý ly hôn với chị C nên anh H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ lại với nhau để cùng nhau nuôi con cái cho tốt. Nếu chị C cương quyết ly hôn thì anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: anh H với chị C sinh được 02 con chung là A, sinh ngày 16-4-2002 và cháu V, sinh năm 11-8-2014, hiện cháu A đã đủ tuổi trưởng thành và đang đi học Đại học, còn cháu V đang ở cùng tôi với chị C chăm sóc nuôi dưỡng, tại thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nếu Tòa án giải quyết anh H và chị C ly hôn thì nguyện vọng của anh H là muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu A, sinh ngày 16-4-2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nghề nghiệp của anh H là làm nông (làm rẫy cà phê) thu nhập bình quân một năm khoảng 70.000.000 đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Rlấp tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh

H quá trình giải quyết vụ án là chấp hành đúng quy định, tuy nhiên tại các phiên tòa thì anh H đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị C và anh H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định ngày 08-11-2000. Trong thời gian chung sống chị C và anh H thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, vợ chồng có đánh đập nhau, chị C với anh H đã sống ly thân khoảng một năm nay, về kinh tế thì anh H tự sinh sống nhà ở trong rẫy cà phê, còn chị C thì sống ở nhà ngoài buôn bán quán cà phê, vợ chồng không có quan tâm nhau và ai làm thì người ấy tự chi tiêu cho bản thân. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị C và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng; về con chung: chị C và anh H sinh được có 02 con chung là A, sinh ngày 16-4-2002 và cháu V, sinh năm 11-8-2014, hiện cháu A đã đủ tuổi trưởng thành và đang đi học Đại học, còn cháu V đang ở với chị C chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị C và anh H đều có nguyện vọng là được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến tuổi trưởng thành, không ai có yêu cầu cấp dưỡng, cháu V có nguyện vọng là muốn được ở cùng với chị C; về tài sản chung chị C và anh H đều không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C đối với anh H. Về quan hệ hôn nhân: chị C được ly hôn với anh H; về con chung: Giao cháu V, sinh năm 11-8-2014 cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng, về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H. Nguyên đơn là chị C và bị đơn là anh H có địa chỉ thường trú tại thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* chị C với anh H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định ngày 08-11-2000 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị C và anh H thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng, quan tâm nhau, vợ chồng có đánh đập nhau, chị C với anh H đã sống ly thân khoảng một năm nay, về

kinh tế thì anh H tự sinh sống ở trong nhà rẫy cà phê, còn chị C thì sống ở nhà ngoài buôn bán quán cà phê và ai làm thì người ấy tự chi tiêu cho bản thân. Anh H thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, nhưng anh H không đồng ý ly hôn với chị C, tại phiên tòa chị C cương quyết ly hôn và xác định là không còn tình cảm với anh H. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị C và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Chị C với anh H sinh được có 02 con chung là A, sinh ngày 16-4-2002, hiện cháu A đã đủ tuổi trưởng thành đang đi học đại học và không mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu V, sinh năm 11-8-2014, đang đi học lớp 1 và hiện đang ở cùng với chị C. chị C và anh H đều có nguyện vọng là sau khi ly hôn thì được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V cho đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy chị C nghề nghiệp buôn bán mỗi tháng thu nhập khoảng 10.000.000đồng, anh H hiện nay nghề nghiệp làm nông mỗi tháng thu nhập khoảng 6.000.000đồng, nguyện vọng của cháu V xin được ở với chị C, từ trước đến nay chị C cũng quan tâm chăm sóc cháu V nhiều hơn so với anh H và cháu V cũng đang phát triển tốt về mọi mặt.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao con chung là cháu V, sinh năm 11-8-2014 cho chị C được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5]. *Về tài sản chung*: Chị C và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về các khoản nợ chung, nợ riêng*: Chị C và anh H đều xác định không có.

[7]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8]. *Về án phí*: Chị C phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ-H14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C đối với anh H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị C được ly hôn với anh H.

1.2. Về con chung: Giao cháu V, sinh năm 11-8-2014 cho chị C được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về tài sản chung: Chị C và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về các khoản nợ chung, nợ riêng: Chị C và anh H đều xác định không có

2. Về án phí: chị C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004487 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M, huyện P;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

(đã ký)

Đoàn Công Tài